

Số: 8212/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 17 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non
thành phố giai đoạn 2020-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Về việc ban hành Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố,

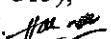
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2020-2025.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, UBND các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Y tế thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Thành ủy (báo cáo);
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở GD&ĐT tỉnh;
- UBMTTQ TP;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Hội, đoàn thể TP;
- VP (LD+C13);
- Lưu: VT. 

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phương Nam

KẾ HOẠCH

Phát triển Giáo dục mầm non thành phố giai đoạn 2020 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số 8212/QĐ-UBND ngày 17/11/2020
của UBND thành phố Quy Nhơn)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non (GDMN) trong khu vực và quốc tế; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp Một; phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi.

2. Mục tiêu cụ thể

- Về quy mô, mạng lưới trường, lớp: Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, bảo đảm đến năm 2025, huy động 35% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 95% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập chiếm từ 55% trở lên;

- Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, trung bình 0,5%/năm, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi, trung bình 0,4%/năm, giảm tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì, trung bình 0,1%/năm;

- Về đội ngũ giáo viên: Đến năm 2025 có 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên;

- Về cơ sở vật chất, trường lớp: Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 90%; có trên 25% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

- Về phổ cập GDMN: Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của GDMN trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn nhân lực; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện kế hoạch; tăng cường trách nhiệm của cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thông tin và truyền thông về GDMN để duy trì vững chắc công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi.

- Xây dựng kế hoạch thông tin và truyền thông, biên soạn, cung cấp tài liệu phổ biến kiến thức, kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc phụ huynh và toàn xã hội tham gia phát triển GDMN; đặc biệt, tăng cường tuyên truyền kiến thức chăm sóc, nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ có con dưới 3 tuổi.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh về lộ trình thực hiện đổi với 13 trường mầm non, mẫu giáo thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính;

- Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công theo hướng ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất cho GDMN ở các phường, xã điều kiện còn khó khăn;

- Rà soát, đánh giá chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011; định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015.

3. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non

- Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo hướng chuyển đổi trường mẫu giáo thành trường mầm non; phấn đấu đến năm 2025 trên địa bàn thành phố mỗi xã, phường có 01 trường mầm non công lập.

- Đẩy mạnh việc đầu tư cho giáo dục mầm non, xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp đạt các yêu cầu tối thiểu của 1 lớp mầm non; bổ sung đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác, quan tâm đầu tư những trường vùng ven, xã đảo.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình GDMN, phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Rà soát thực trạng và nhu cầu đầu tư; xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp trường lớp, cơ sở vật chất; đầu tư trường mầm non theo hướng chuẩn hóa, xanh, sạch, đẹp, an toàn; ưu tiên nguồn vốn từ các chương trình dự án và các nguồn thu hợp pháp khác để xây dựng đủ phòng học, đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền để đạt từng mục tiêu, tiến tới đạt mục tiêu chung của kế hoạch; hằng năm đưa mục tiêu phát triển GDMN vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phường, xã để chỉ đạo và thực hiện;

- Đổi mới công tác quản lý của các cơ sở GDMN; nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDMN;

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở GDMN thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; đảm bảo hằng năm số trường mầm non, mẫu giáo được thanh tra, kiểm tra ít nhất là 15%, tránh hình thức và giảm tải hồ sơ sổ sách không cần thiết đối với giáo viên mầm non;

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý GDMN và trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời. Triển khai phần mềm báo cáo GDMN tạo điều kiện cho các cấp quản lý giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở GDMN, tiết kiệm thời gian công sức cho việc thống kê, tổng hợp.

5. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non

- Đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm;

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức GDMN; vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với thực tiễn Việt Nam nói chung và thành phố Quy Nhơn nói riêng để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; rà soát, đánh giá về Chương trình GDMN; từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện Chương trình GDMN sau năm 2020 với nội dung và phương pháp tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế;

- Tăng cường thực hiện giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non, thực hiện phương châm học bằng chơi - chơi mà học, thực hiện lồng ghép các nội dung giáo dục phát triển vận động cho trẻ vào các thời điểm, các hoạt động một cách hợp lý, linh hoạt, sáng tạo để giúp trẻ phát triển tốt các kỹ năng vận động. Sử dụng các nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm, trực quan minh họa, thực hành, đánh giá, nêu gương... để giáo dục trẻ lòng kính yêu Bác Hồ. Tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục;

- Tiếp tục tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện theo Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Thu hút trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập ở tất cả các loại hình trường mầm non; sử dụng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ để phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non

- Hướng dẫn các cơ sở GDMN thực hiện cân đo và theo dõi sức khỏe cho trẻ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học để phù hợp với phát triển sức khỏe và tâm vóc trẻ em theo hướng dẫn mới; tăng cường tổ chức bán trú đồng thời với việc nâng cao chất lượng bữa ăn và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất, tinh thần để từng bước giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng;

- Lựa chọn, nhân rộng các mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;

- Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú;

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp.

7. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN

- Tiếp tục rà soát, đánh giá phân loại, cân đối đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN để phối hợp thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; kịp thời tuyển dụng giáo viên để bổ sung cho những đơn vị còn thiếu giáo viên;

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và bằng cấp theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 ; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán; bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên mầm non. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao năng lực thực tiễn cho giáo viên, củng cố lòng yêu nghề, yêu trẻ của giáo viên.

8. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non

- Ưu tiên ngân sách chi cho các hoạt động của GDMN trong phạm vi ngân sách được giao phân bổ hàng năm.

- Khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển GDMN ngoài công lập, trường mầm non chất lượng cao ở những nơi có điều kiện; hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện thuận lợi cho các trường mầm non, mẫu giáo chuyển sang hoạt động theo cơ chế trường mầm non công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính tại Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình thực hiện đối với 13 trường mầm non, mẫu giáo thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu chăm sóc,

giáo dục trẻ con của công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư;

- Tích cực tham mưu địa phương ban hành các chính sách đặc thù, thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia phát triển GDMN ngoài công lập; Khuyến khích xã hội hoá việc xây dựng và phát triển trường mầm non chất lượng cao;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hoá giáo dục, tạo hành lang pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong GDMN

- Khuyến khích các cơ sở GDMN tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GDMN; khuyến khích phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

- Tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về chăm sóc và phát triển trẻ em;

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học sư phạm về GDMN.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch là: 76.920 triệu đồng;

Trong đó:

- Kinh phí đầu tư xây dựng phòng học: 44.460 triệu đồng;

- Kinh phí đầu tư phòng làm việc và phòng chức năng: 19.500 triệu đồng;

- Kinh phí mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: 12.960 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện (Có phụ lục đính kèm)

- Nguồn vốn đầu tư: 63.960 triệu đồng; Trong đó:

- + Nguồn vốn ngân sách địa phương: 44.772 triệu đồng;

- + Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ lồng ghép các Chương trình, Dự án: 19.188 triệu đồng.

- Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục: 9.369 triệu đồng.

- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục: 3.591 triệu đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thành phố và UBND các phường, xã tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển GDMN giai đoạn 2020-2025; triển khai các chính sách phát triển giáo dục mầm non hiện hành; kịp thời tham mưu UBND thành phố quy định và xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển GDMN phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật;

- Tổ chức hiệu quả các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý,

giáo viên mầm non; quản lý hoạt động bồi dưỡng thường xuyên và công tác tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý và giáo viên;

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả hằng năm và giai đoạn; tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND thành phố và Sở GD&ĐT theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách cần thiết về tài chính nhằm phát triển GDMN;

- Tham mưu UBND thành phố phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng; mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn ngân sách thành phố;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phòng Nội vụ thành phố

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT rà soát, tham mưu UBND thành phố thực hiện công tác tuyển dụng giáo viên theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và theo phân cấp quản lý viên chức của tỉnh;

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT rà soát, thực hiện việc điều chuyển biên chế giáo viên giữa các trường, các cấp học phù hợp điều kiện thực tế theo năm học của địa phương; tham mưu UBND thành phố đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ bố trí đủ giáo viên mầm non/lớp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về Danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

4. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế thành phố

- Chỉ đạo các Trạm Y tế xã, phường xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trường học; phân công cán bộ theo dõi công tác y tế trường học; hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật để thực hiện công tác y tế trường học tại các cơ sở GDMN;

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế trường học; hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học, giáo viên mầm non; hướng dẫn triển khai quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non và truyền thông giáo dục sức khỏe tại các cơ sở GDMN;

- Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc, quản lý sức khỏe trẻ mầm non và các nội dung công tác y tế trường học khác tại các cơ sở GDMN.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT giám sát việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách xã hội khác

đối với giáo viên và trẻ mầm non; phối hợp tham mưu xây dựng chương trình đầu tư theo mục tiêu phát triển GDMN trong Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố

Tăng cường chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn thành phố về Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025.

7. Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển GDMN trên địa bàn thành phố giai đoạn 2020-2025 phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; phối hợp rà soát lại các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mỗi xây dựng điểm tập trung;

- Kiên quyết xử lý nghiêm và đình chỉ hoạt động các cơ sở GDMN ngoài công lập không phép, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trên địa bàn; tuyên truyền cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu mở cơ sở GDMN ngoài công lập phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

8. Đề nghị Liên đoàn Lao động thành phố: phối hợp với Phòng GD&ĐT trong quá trình tổ chức thực hiện, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch về những nội dung liên quan đến nhà trẻ, mẫu giáo ở các khu công nghiệp, khu chế xuất; xây dựng mô hình quản lý và cơ chế vận hành cơ sở GDMN trong các thiết chế của công đoàn theo Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”; Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ toàn diện, đặc biệt các trẻ, nhóm trẻ ngoài nhà trường; tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2025;

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Khuyến học thành phố, các tổ chức, đoàn thể thành phố: tham gia tích cực phát triển GDMN, vận động trẻ em đến cơ sở GDMN; tăng cường phổ biến, cung cấp kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ đến từng gia đình.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển Giáo dục mầm non thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2020 – 2025, đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, hội, đoàn thể thành phố và Chủ tịch UBND các phường, xã phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh cho UBND thành phố (qua phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố tổng hợp) để điều chỉnh, bổ sung phù hợp. /

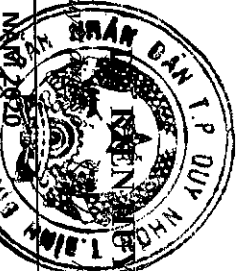
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phương Nam

(Kèm theo Quyết định UBND ngày 17/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn)



ĐỘNG TRẺ RA LỚP (2020-2025)

NĂM 2025

TT	Phường/xã	Dân số trong độ tuổi		Số lượng huy động trẻ đến lớp		Số lượng huy động trong trường công lập		Số nhóm/lớp công lập		Số lượng trẻ huy động đến trường ngoài công lập		Dân số trong độ tuổi		Số lượng huy động trẻ đến lớp		Số lượng huy động trong trường công lập		Số nhóm/lớp công lập		Số lượng trẻ huy động đến trường ngoài công lập	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Phước An	195	339	18	230	0	169	0	6	18	61	195	350	50	240	22	170	1	5	28	70
2	Bùi Thị Xuân	338	725	45	453	0	275	0	12	45	178	360	740	135	475	50	285	1	12	85	190
3	Trần Quang Diệu	474	919	56	607		250		13	56	357	485	940	150	635	39	260	2	12	111	375
4	Nhơn Phú	495	816	95	626	0	316	0	12	95	310	515	845	195	665	50	325	1	11	145	340
5	Nhơn Bình	596	953	61	838	0	270	0	8	61	568	610	975	150	860	39	275	1	8	111	585
6	Đông Đa	698	1250	119	978	18	420	18	16	101	558	715	1270	195	1015	59	430	3	15	136	585
7	Thị Nội	333	503	16	367		134		5	16	233	335	515	35	375	0	135	1	4	35	240
8	Trần Hưng Đạo	299	336	77	671	38	351	2	12	39	320	315	350	85	675	45	355	2	12	40	320
9	Hải Cảng	497	805	164	571		348		9	164	223	505	815	180	580	0	350	1	9	180	230
10	Lê Lợi	345	640	130	847	85	416	5	23	45	431	355	650	150	855	105	420	6	26	45	435
11	Lê Hồng Phong	563	939	39	629	39	218	2	7	0	411	570	950	45	635	45	230	2	7	0	405
12	Lý Thường Kiệt	391	576	75	381		149		0	75	232	410	595	100	405	5	155		0	95	250
13	Trần Phú	268	444	21	415		376		13	21	39	275	450	50	420	25	380	2	12	25	40
14	Ngô Máy	870	1138	131	811	19	437	1	14	112	374	880	1150	215	835	65	440	2	13	150	395
15	Nguyễn Văn Cư	501	1052	171	1056	0	264	0	10	171	792	515	1085	250	1085	40	300	1	10	210	785
16	Quang Trung	621	901	88	740	0	238	0	9	88	502	630	915	185	750	42	240	1	9	143	510
17	Giách Ràng	394	602	141	692	0	177	0	8	141	515	400	610	180	700	20	180	1	7	160	520
18	Nhơn Hội	169	219	30	247		131		7	30	116	175	225	60	255	20	135	1	7	40	120
19	Nhơn Hải	183	263		243		243		7	0	0	185	270	20	245		245	1	6	20	0
20	Nhơn Lý	216	360	29	360	0	284	0	7	29	76	220	380	50	370	20	285	1	7	30	85
21	Nhơn Châu	60	95		71		71		3	0	0	60	95		75		75		3	0	0
Tổng tổng		8496	13875	1506	11833	199	5537	11	201	1307	6296	8710	14175	2480	12150	691	5670	31	195	1789	6480

Phụ lục 2
NHU CẦU BIÊN CHẾ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN (2020-2025)
(Kèm theo Quyết định số 8212/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn)

TT	Trưởng MN, MG	Năm 2020						Năm 2025						Nhu cầu tăng thêm (Biên chế)				Ghi chú
		Số nhóm, lớp		Biên chế		Số nhóm, lớp		Biên chế căn cơ		Số nhóm, lớp		Biên chế căn cơ		Tổng	CBQL	GV	NV	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng	CBQL	GV	NV	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng	CBQL	GV	NV	Tổng	CBQL	GV	NV	
1	MG Nhơn Lý		7	18	2	14	2	1	7	22	2	18	2	5	0	5	0	
2	MG Nhơn Hải		7	13	2	9	2	1	7	22	2	18	2	9	0	9	0	
3	MG Nhơn Hải		7	14	2	10	2	1	6	20	2	16	2	8	0	8	0	
4	MG Nhơn Châu		3	5	1	3	1		3	10	1	7	2	5	0	4	1	
5	MG Phước Mỹ			6	11	2	7	2	5	19	3	14	2	7	1	6	0	
6	MG Bùi Thị Xuân			12	20	2	16	2	12	34	3	29	2	13	1	12	0	
7	MG Trần Thị Xuân			13	24	2	20	2	12	37	3	32	2	11	1	10	0	
8	MG Nhơn Phú			12	21	2	17	2	11	32	3	27	2	11	1	10	0	
9	MG Nhơn Bình			8	16	2	12	2	8	26	3	21	2	10	1	9	0	
10	MN Quy Nhơn		3	11	3	26	2	3	12	39	3	34	2	11	0	11	0	
11	MN 2/9		1	7	18	2	15	1	7	23	3	18	2	5	1	3	1	
12	MN Hoa Sen		1	3	12	2	9	1	4	18	2	14	2	8	0	7	1	
13	MN Phong Lan		1	5	15	2	11	2	5	20	2	16	2	7	0	7	0	
14	MG Hương Sen			7	16	2	13	1	6	20	2	16	2	5	0	4	1	
15	MN Hoa Hồng		2	12	31	3	26	2	12	37	3	32	2	5	1	4	0	
16	MN Hoa Mai		1	9	22	3	16	3	10	30	3	25	2	8	1	7	0	
17	MN 8/3		2	7	22	3	17	2	7	26	3	21	2	3	0	3	0	
18	MG Ghềnh Ràng			8	12	2	9	1	7	23	3	18	2	11	1	9	1	
19	MG Nguyễn Văn Cừ			10	23	3	19	1	10	28	3	23	2	5	1	3	1	
20	MG Đống Đa			11	14	2	11	1	10	30	3	25	2	16	1	14	1	
21	MG Thị Nại			5	8	2	5	1	4	16	2	12	2	8	0	7	1	
22	MG Hải Cảng			9	12	2	9	1	9	28	3	23	2	15	1	13	1	
23	MG Trần Phú			6	14	2	11	1	6	21	3	16	2	7	1	5	1	
24	MG Ngô Máy			7	17	2	14	1	6	21	3	16	2	4	1	2	1	
25	MG Quang Trung			9	20	2	17	1	9	28	3	23	2	9	1	7	1	
Tổng cộng		11	201	429	54	336	39	31	195	630	66	514	50	206	15	179	12	

NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÒNG HỌC (2020-2025)

(Kèm theo Quyết định số 8212/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn)

TT	Năm	Dự kiến số nhóm lớp công lập		Số phòng hiện có		Số phòng cần đầu tư xây dựng đảm bảo 1 phòng/lớp		Tổng kinh phí (triệu đồng)		Ghi chú
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Kinh phí	Nguồn chi	
	Năm 2020					4	8	9,360		
1	Trường MN Hoa Sen	2	4	1	4	2	4	4,680	Vốn đầu tư	XD thay thế và bổ sung
2	Trường MN Hoa Hồng	2	7	2	7	2	4	4,680	"	XD thay thế và bổ sung
	Năm 2021-2025					2	43	35,100		
1	Trường Mẫu giáo Quang Trung		10		9		4	3,120	Vốn đầu tư	XD thay thế và bổ sung
2	Trường Mầm non Hoa Mai	1	6	1	6		2	1,560	"	XD thay thế
3	Trường Mầm non 8/3	2	7	2	7		2	1,560	"	XD thay thế
4	Trường Mẫu giáo Đống Đa		11		11		4	3,120	"	XD thay thế
5	Trường Mẫu giáo Nhơn Phú	2	12		12	2	2	3,120	"	XD thay thế và bổ sung
6	Trường Mẫu giáo Trần Phú		7		7		2	1,560	"	XD thay thế
7	Trường Mầm non 2/9	1	8	1	8		4	3,120	"	XD thay thế
8	Trường Mẫu giáo Nhơn Bình		8		8		2	1,560	"	XD thay thế
9	Trường Mẫu giáo Trần Hưng Đạo		5		5		4	3,120	"	XD thay thế
10	Trường Mẫu giáo Trần Quang Diệu		14		14		4	3,120	"	XD thay thế
11	Trường Mầm non Quy Nhơn	3	12	3	11		10	7,800	"	XD thay thế
12	Trường Mẫu giáo Nhơn Hải		7		6		3	2,340	"	XD thay thế và bổ sung
	Tổng cộng					6	51	44,460		



PHÒNG LÀM VIỆC VÀ PHÒNG CHỨC NẶNG (2020-2025)
 8212 /GD-UBND ngày 11/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn

TT	Năm	Dự kiến kiến trường	trường chuẩn QG	Công trình hiện có								Dự kiến đầu tư								Tổng kinh phí (Tr. Đồng)		Nguồn chi	Ghi chú
				Nhà làm việc	Phòng GD nghệ thuật	Phòng GD thể chất	Phòng tin học/Ngoại ngữ	Nhà làm việc	Phòng GD nghệ thuật	Phòng GD thể chất	Phòng tin học/Ngoại ngữ	Kinh phí											
1	Trường MN Hoa Sen	1		3	1	0	0	0	0	0	1	1	1	0	1,560		Vốn đầu tư	XD thay thế và bổ sung					
1	Trường MN Hoa Sen	11		21	1	5	2	8	7	7	7	1	17,940		Vốn đầu tư		XD thay thế và bổ sung						
2	Trường Mầm non Hoa Mai			3	0	1	0	1	1				1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
3	Trường Mầm non 8/3			1	0	0	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
4	Trường Mẫu giáo Đống Đa			1	0	0	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
5	Trường Mẫu giáo Nhơn Phú			1	0	0	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
6	Trường Mẫu giáo Trần Phú			2	0	0	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
7	Trường Mầm non 2/9			3	0	1	2	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
8	Trường Mẫu giáo Nhơn Bình			1	0	1	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
9	Trường Mẫu giáo Trần Hưng Đạo			1	0	0	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
10	Trường Mẫu giáo Trần Quang Diệu			2	0	1	0	1					1,560		"		XD thay thế và bổ sung						
11	Trường Mầm non Quy Nhơn			3	0	1		1					1,560		"		XD bổ sung						
12	Trường Mẫu giáo Nhơn Hải			2	1	0	0						780		"		XD bổ sung						
Tổng cộng								8	8	8	8	1	19,500										

NHU CẦU KINH PHÍ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI (2020 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn)

TT	Tên trường	Số lớp	Lớp MG	Số lớp học ngoài ngữ, Tin học	Tổng số thiết bị hiện có	Trong đó				Thiết bị ngoại ngữ và Tin học	Tổng số thiết bị cần đầu tư	Trong đó				Thiết bị cho lớp học (80 tr/lớp)	Thiết bị dùng chung (80 tr/lớp)	Đồ chơi ngoài trời (90 tr/hộ)	Tổng kinh phí	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn chi (XHHD)	Nguồn chi SNGD	
						Thiết bị cho lớp học	Thiết bị dùng chung	Đồ chơi ngoài trời	Thiết bị ngoại ngữ và Tin học			Thiết bị cho lớp học	Thiết bị dùng chung	Đồ chơi ngoài trời	Thiết bị ngoại ngữ và Tin học								
Năm 2020																							
1	MN Hoa Hồng	9	7	7	16	43	43	5	5	1	5	12	4	4	2	2	16	720	720	1,080	2,520	240	2,280
2	MN Hoa Sen	6	4	4	7	3	3	1	1	1	12	3	3	3	2	2	4	240	240	180	660	60	600
3	MN 2/9	9	8	6	22	8	8	1	5	5	5	1	1	1	2	2	1	80	80	180	340	15	325
4	MN Quy Nhơn	15	12	12	34	14	14	1	5	11	1	1	1	1	2	2	7	80	80	180	340	105	235
5	MN Phong Lan	6	5	5	19	6	6	1	6	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	180	180	0	180
6	MG Hương Sen	7	7	7	20	7	7	1	5	4	0	0	0	0	2	2	2	0	0	180	180	30	150
Năm 2021-2015																							
1	MNHoa Mai	7	6	6	20	7	7	1	5	3	0	0	0	0	2	2	1	0	0	180	180	15	165
2	MN 8/3	9	7	4	23	9	9	1	4	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	180	180	0	180
3	MG Nhơn Lý	7	7	7	13	6	6	1	4	4	1	1	1	2	2	2	80	80	180	340	0	340	
4	MG Nhơn Hải	7	7	7	8	4	3	1	8	8	3	3	3	3	2	2	2	240	240	180	660	0	660
5	MG Nhơn Hội	7	7	7	7	3	3	1	10	10	4	4	4	4	2	2	2	320	320	180	820	0	820
6	MG Phước Mỹ	6	6	6	8	3	3	1	8	8	3	3	3	3	2	2	2	240	240	180	660	0	660
7	MG Bùi Thị Xuân	12	12	8	21	10	9	2	13	13	2	2	2	2	1	1	8	160	160	90	410	120	290
8	MG Trần Q. Diệu	14	14	9	25	9	14	2	20	20	5	5	5	5	1	1	9	400	400	90	890	135	755
9	MG Nhơn Phú	14	14	8	25	12	12	1	14	14	2	2	2	2	2	2	8	160	0	90	250	120	130
10	MG Nhơn Bình	8	8	7	17	8	8	1	9	9	0	0	0	0	2	2	7	0	0	180	180	105	75
11	MG Đống Đa	11	11	11	18	11	6	1	2	2	0	0	0	2	2	2	2	240	210	180	630	0	630
12	MG Thị Nai	5	5	5	7	3	3	1	6	6	2	2	2	2	2	2	2	160	160	180	500	0	500
13	MG Trần H. Đạo	5	5	5	10	5	4	1	2	2	0	0	0	0	2	2	2	0	0	180	180	0	180
14	MG Hải Cảng	10	10	10	11	6	4	1	10	10	4	4	4	4	2	2	2	320	320	180	820	0	820
15	MG Lê Lợi	4	4	4	9	4	4	1	2	2	0	0	0	0	2	2	2	0	0	180	180	0	180
16	MG Trần Phú	7	6	6	13	6	6	1	4	4	1	1	1	1	2	2	6	160	80	180	420	30	390
17	MG Ngô Máy	7	7	6	9	4	4	1	14	14	3	3	3	3	2	2	6	240	240	180	660	90	570
18	MG Q. Trung	10	10	5	15	6	8	1	15	15	4	4	4	4	2	2	5	320	320	180	820	75	745
19	MG Ghềnh Ráng	8	8	8	12	5	6	1	8	8	3	3	3	3	2	2	4	240	240	180	660	0	660
20	MG Nguyễn Văn Cừ	10	10	4	13	6	6	1	14	14	4	4	4	4	2	2	4	320	320	180	820	60	760
21	MG Nhơn Châu	3	3	3	7	3	3	1	2	2	0	0	0	0	2	2	2	0	0	180	180	0	180
Tổng cộng		223	210	98	409	173	172	29	35	216	50	50	52	64	4,320	4,050	4,590	12,960	990	11,970			

**TỔNG NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÒNG HỌC, PHÒNG LÀM VIỆC, CHỨC NĂNG, THIẾT BỊ ĐDDC
VÀ CHI TIẾT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ (2020-2025)**

(Kèm theo Quyết định số 8212 /QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn)

STT	Tên phòng	Tổng số kinh phí thực hiện kế hoạch	Trong đó chi tiết nguồn vốn (vốn đầu tư)		Ghi chú
			Vốn ngân sách địa phương	Vốn Trung ương hỗ trợ lồng ghép các chương trình, dự án	
1	Phòng học	44,460	31,122	13,338	Tỷ lệ nguồn vốn theo QĐ của tỉnh
2	Phòng làm việc và chức năng khác	19,500	13,650	5,850	
3	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	12,960			
	Tổng cộng	63,960	44,772	19,188	